

Số: 01 / BB-ĐHĐCĐ

Phúc Yên, ngày 23 tháng 04 năm 2025



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC (“Công Ty”)**
Mã chứng khoán : **NVP**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 2500144719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 14/09/1999, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/04/2022.
Địa chỉ trụ sở chính : Số 220, đường Trần Phú, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Điện thoại : 02113 869 364 Fax: 02113 868 663
Thời gian họp : Từ 08h30 ngày 23 tháng 04 năm 2025
Địa điểm họp : Hội trường tầng 3, Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc, số 220 đường Trần Phú, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI, TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

1. Thành phần tham dự Đại hội

- ✓ **Cổ đông:** Tất cả cổ đông hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày **25/03/2025**. (Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp).
- ✓ **Các Ông/Bà là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đương nhiệm và các thành viên Ban tổ chức Đại hội.**

2. Tính hợp lệ của Đại hội

Vào hồi 08h30’, Đại hội đã nghe Ông Vũ Mạnh Hà - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông của Công Ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ngày 25/03/2025 là **109** cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu: **10.963.000** cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với 100% tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết.

+ Số cổ đông tham dự đại hội: **96** cổ đông tham dự trực tiếp và ủy quyền, đại diện cho quyền sở hữu **10.927.700** cổ phần (tương ứng **10.927.700** phiếu biểu quyết), chiếm tỷ lệ **99,6780%** tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết.

+ Số cổ đông vắng mặt: **13** cổ đông tương đương **35.300** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0,3220%** tổng số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, số cổ đông tham dự chính thức và ủy

quyền đủ tư cách tham dự kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự đảm bảo cho ĐHĐCĐ tiến hành một cách hợp lệ.

B. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:

I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Tiến Sơn - thay mặt Ban tổ chức khai mạc Đại hội.

II. ĐẠI HỘI THÔNG QUA NHÂN SỰ ĐOÀN CHỦ TỊCH, BAN THƯ KÝ, BAN KIỂM PHIẾU

1. Đoàn Chủ tịch gồm có:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| + Ông Ngô Trường Giang | - Chủ tọa Đại hội |
| + Ông Nguyễn Thanh Tùng | - Thành viên Đoàn chủ tịch |
| + Ông Bùi Tiến Dũng | - Thành viên Đoàn chủ tịch |

Kết quả biểu quyết bầu nhân sự Đoàn Chủ tịch:

- | | | |
|----------------------------------|-----------------------------|--------------|
| - Hình thức biểu quyết | : Giơ thẻ biểu quyết | |
| - Tổng số phiếu hợp lệ: | 10.927.700 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 100% |
| + Tổng số phiếu tán thành: | 10.927.700 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 100% |
| + Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 0% |
| + Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 0% |
| - Tổng số phiếu không hợp lệ: | 0 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 0% |

Như vậy, Đại hội đã thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch với tỷ lệ tán thành 100%.

2. Ban Thư ký:

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| + Ông Nguyễn Tiến Sơn | - Trưởng ban Thư ký |
| + Bà Ngô Thị Vinh | - Thành viên |

3 Ban kiểm phiếu:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| + Ông Dương Cảnh Hưng | - Trưởng ban |
| + Ông Nguyễn Đức Ninh | - Thành viên |
| + Ông Nguyễn Văn Phương | - Thành viên |
| + Bà Phạm Thị Lan Anh | - Thành viên |
| + Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt | - Thành viên |

Kết quả biểu quyết bầu nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu:

- | | | |
|----------------------------------|-----------------------------|--------------|
| - Hình thức biểu quyết | : Giơ thẻ biểu quyết | |
| - Tổng số phiếu hợp lệ: | 10.927.700 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 100% |
| + Tổng số phiếu tán thành: | 10.927.700 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 100% |
| + Tổng số phiếu không tán thành: | 0 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 0% |
| + Tổng số phiếu không có ý kiến: | 0 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 0% |
| - Tổng số phiếu không hợp lệ: | 0 phiếu biểu quyết | : Tỷ lệ 0% |

Như vậy, Đại hội đã thông qua nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu với tỷ lệ tán thành 100%.

III. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI

Đại hội đã nghe Ông Ngô Trường Giang – Chủ tọa Đại hội - trình bày nội dung Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc và biểu quyết của Đại hội trình ĐHĐCĐ thông qua.

Nội dung của Đại hội gồm có:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng năm 2025.
2. Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2024.
3. Báo cáo của Ban điều hành Kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025.
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.
5. Tờ trình v/v quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2025.
6. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024;
7. Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025;
8. Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ;
9. Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ.

❖ Đại hội biểu quyết thông qua Chương trình họp:

- Hình thức biểu quyết : Giơ thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua Chương trình họp với tỷ lệ tán thành 100%

❖ Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025:

- Hình thức biểu quyết : Giơ thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 với tỷ lệ tán thành 100%.

IV. CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông **Ngô Trường Giang** – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng năm 2025.
2. Ông **Dương Cảnh Hưng** – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2024 CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc.
3. Ông **Nguyễn Thanh Tùng** – Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025.
4. Bà **Ngô Thị Vinh** trình bày các tờ trình:
 - ✓ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán;

- ✓ Tờ trình v/v quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2025;
- ✓ Tờ trình v/v phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024.

5. Ông Dương Cảnh Hưng trình bày tờ trình:

- ✓ Tờ trình v/v ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty

V. PHẢN THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

1. Phản thảo luận.

➤ **Ý kiến của cổ đông Nguyễn Thị Bích Thủy về quản lý tài chính tại công ty năm 2025:**

- Quản lý tài chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của công tác quản lý. Từ việc lên kế hoạch sử dụng các nguồn vốn, đảm bảo thực hiện các dự án đầu tư, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kịp thời kế hoạch tài chính, quản lý, báo cáo thường xuyên, kịp thời cho lãnh đạo công ty để ban hành các quyết định phát triển khách hàng, quản lý đối tượng sử dụng nước đúng mục đích, tăng Sản lượng nước tiêu thụ, Doanh thu, giảm chi phí, tăng lợi nhuận hoàn thành tốt Kế hoạch SXKD công ty đề ra cũng như nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu UBND tỉnh giao là tăng trưởng 8% trở lên so với năm 2024 phù hợp với mục tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và của tỉnh Vĩnh Phúc theo tinh thần của Nghị quyết số 25/NQ-CP, đóng góp chung vào tăng trưởng GDP cả nước.

➤ **Ý kiến của cổ đông Đỗ Đức Thịnh về công tác đầu tư các công trình**

- Trong năm 2024, Ban lãnh đạo Công ty đã phê duyệt và giao nhiệm vụ thi công: 33 công trình, với tổng giá trị dự toán: 16,707 tỷ đồng.

- Công ty nhận thầu thi công (bên B): 04 công trình, với giá trị: 549 triệu đồng.

- Các công trình do công ty làm chủ đầu tư đều được đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đúng lộ trình theo quy định. Ngoài ra Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi qua mạng 06 công trình XD CB và 03 gói thầu mua vật tư đúng lộ trình theo quy định.

- Luôn bám sát tiến độ thi công để chủ động lập tiến độ nhu cầu vốn cho các công trình, kịp thời đề xuất cho Ban lãnh đạo Công ty xét duyệt, thanh toán theo tiến độ đã cam kết trong hợp đồng.

Công tác thanh quyết toán:

Tính đến ngày 31/12/2024 các đơn vị thi công của Công ty đã lập hồ sơ thanh quyết toán: 33 công trình với giá trị đề nghị thanh quyết toán khối lượng xây lắp tự thực hiện khoảng 13 tỷ đồng.

➤ **Ông Ngô Trường Giang – Chủ tọa Đại hội thay mặt Đoàn Chủ tịch trả lời cổ đông:**

Ban Giám đốc chỉ đạo có biện pháp rà soát lại toàn bộ khách hàng, khách hàng dùng nước có Kinh doanh dịch vụ thì sẽ có đơn giá khác, chỉ đạo rà soát lại các khách hàng sử dụng nước sinh hoạt chuyển sang nước dịch vụ góp phần tăng doanh thu cho Công ty.

Trong năm 2024, hoàn thành công trình cải tạo cụm xử lý nước Phúc Yên, cải tạo nâng công suất hệ thống lọc và chất lượng lọc nhờ cải tạo hệ thống thiết bị lọc. Trong tương lai sẽ có xu hướng chuyển từ nước ngầm sang nước mặt.

2. Sau khi kết thúc thảo luận, Chủ tọa đề nghị Cổ đông cho ý kiến biểu quyết nội dung các Báo cáo, tờ trình đã trình bày tại Đại hội vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào hòm phiếu.

VI. ĐẠI HỘI NGHỈ GIẢI LAO 15 PHÚT

VII. PHẢN BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

- ✓ Ông **Dương Cảnh Hưng** – Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung như sau:
1. **Nghị quyết 01:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng năm 2025.

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

2. **Nghị quyết 02:** Thông qua Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2024 CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

3. **Nghị quyết 03:** Thông qua Báo cáo của Ban điều hành kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025:

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Quý 1 năm 2025 như sau:**

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH năm 2024 | TH 2024/KH 2024 (%) | TH Quý 1.2025 | TH Quý 1/KH 2025 (%) |
|-----|-------------------------------|---------------------|-------------|---------------------|---------------|----------------------|
| 1 | Sản xuất nước máy | | | | | |
| - | Sản lượng nước sản xuất + mua | 1.000m ³ | 10.855 | 102 | 2.567 | 23 |
| - | Sản lượng nước tiêu thụ | 1.000m ³ | 9.595 | 102 | 2.255 | 23 |
| - | Tỷ lệ thất thoát | % | 11,61 | - | 12,14 | - |
| 2 | Tổng doanh thu | Tr. đồng | 107.191 | 98 | 25.035 | 23 |

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH năm 2024 | TH 2024/KH 2024 (%) | TH Quý 1.2025 | TH Quý 1/KH 2025 (%) |
|-----|--|----------------|----------------|---------------------------|------------------|----------------------------|
| - | Doanh thu sản xuất nước | Tr. đồng | 102.491 | 99 | 24.224 | 24 |
| - | Doanh thu xây lắp | Tr. đồng | 2.230 | 74 | 475 | 32 |
| - | Doanh thu HĐTC + khác | Tr. đồng | 2.470 | 99 | 336 | 26 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 11.485 | 168 | 3.500 | 38 |
| 4 | Trích nộp ngân sách | Tr. đồng | 17.161 | 116 | 2.700 | 19 |
| 5 | Quản lý khách hàng phát triển cấp nước | | | | | |
| - | Tổng số hộ đang thực hiện HD cấp nước | Hộ | 34.276 | - | 34.531 | - |
| - | Số hộ lắp mới | Hộ | 1.525 | 59 | 264 | 14 |
| 6 | Tổng số lao động toàn Cty | Người | 127 | 99 | 127 | 99 |
| 7 | Bình quân thu nhập 1 tháng/người | Tr. đồng | 11,5 | 101 | 10,3 | 87 |

❖ Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị | TH năm 2024 | KH năm 2025 | So sánh KH 2025 /TH 2024 (%) |
|-----|-------------------------|---------------------|----------------|----------------|---------------------------------------|
| 1 | Sản xuất nước máy | | | | |
| - | Sản lượng nước sạch | 1000 m ³ | 10.855 | 10.955 | 101 |
| - | Sản lượng nước tiêu thụ | 1000 m ³ | 9.595 | 9.640 | 100,5 |
| - | Tỷ lệ thất thoát | % | 11,61 | 12,0 | - |
| 2 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 107.191 | 106.113 | 99 |
| - | Doanh thu sản xuất nước | Triệu đồng | 102.491 | 103.313 | 101 |
| - | Doanh thu xây lắp | Triệu đồng | 2.230 | 1.500 | 67 |
| - | Doanh thu HĐTC + khác | Triệu đồng | 2.470 | 1.300 | 53 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 11.485 | 9.140 | 80 |
| 4 | Trích nộp ngân sách | Triệu đồng | 17.161 | 14.364 | 84 |

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị | TH năm 2024 | KH năm 2025 | So sánh KH 2025 /TH 2024 (%) |
|-----|---|------------|-------------|-------------|------------------------------|
| 5 | Tổng số hộ đang thực hiện hợp đồng cấp nước | Hộ | 34.276 | 36.116 | - |
| - | Số hộ lắp mới | Hộ | 1.525 | 1.840 | 121 |
| 6 | Tổng số lao động toàn công ty | Người | 127 | 128 | 101 |
| 7 | Bình quân thu nhập 1 người/tháng | Triệu đồng | 11,47 | 11,8 | 103 |

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
 - + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

4. **Nghị quyết 04:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán theo tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 23/03/2025 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Giá trị (đồng) |
|-----|-------------------------------|-----------------|
| 1 | Tổng tài sản tại 31/12/2024 | 192.163.947.703 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế năm 2024 | 11.485.010.471 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế năm 2024 | 9.246.059.136 |

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
 - + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

5. **Nghị quyết 05:** Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2025 theo tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 23/03/2025 với một số nội dung cơ bản như sau:

✓ **Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024:**

Năm 2024: Thanh toán thù lao cho HĐQT, BKS là 12 tháng

| | |
|-------------------------------|--------------------|
| Mức thù lao: - Chủ tịch HĐQT: | 3 triệu đồng/tháng |
| - Thành viên HĐQT: | 2 triệu đồng/tháng |
| - Trưởng BKS: | 2 triệu đồng/tháng |
| - Thành viên BKS: | 1 triệu đồng/tháng |

Số lượng thành viên HĐQT: 05 người (trong đó 01 chủ tịch và 04 thành viên)

Số lượng thành viên BKS: 03 người (trong đó 01 trưởng ban và 02 thành viên)

Tổng mức thù lao đã chi trả cho HĐQT và BKS năm 2024 là: 180 triệu đồng.

✓ **Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2025**

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2025 cũng như so sánh với các công ty cổ phần cùng quy mô, loại hình hoạt động, HĐQT Công ty đề nghị Đại hội cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch chi thù lao năm 2025 cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách giữ nguyên như mức năm 2024.

| | |
|-------------------------------|--------------------|
| Mức thù lao: - Chủ tịch HĐQT: | 3 triệu đồng/tháng |
| - Thành viên HĐQT: | 2 triệu đồng/tháng |
| - Trưởng BKS: | 2 triệu đồng/tháng |
| - Thành viên BKS: | 1 triệu đồng/tháng |

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
 - + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

6. Nghị quyết 06: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024 theo tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 21/04/2025 với một số nội dung cơ bản như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024: 9.246.059.136 đồng

- Trích quỹ đầu tư phát triển (30%): 2.759.284.136 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 2 tháng lương bình quân của người lao động năm 2024: 2.616.000.000 đồng
- Trích quỹ thưởng người quản lý bằng 1,5 tháng lương bình quân bộ phận quản lý công ty năm 2024: 307.800.000 đồng
- Chia cổ tức cho các cổ đông số còn lại: 3.562.975.000 đồng, tương đương mức cổ tức là 3,25% vốn điều lệ.

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
 - + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

7. **Nghị quyết 07:** Thông qua ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty theo tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 25/03/2025:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với quy định hiện hành.
- Tổ chức kiểm toán độc lập này được Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo danh sách hàng năm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán phù hợp: Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, Công ty TNHH kiểm toán VACO.

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
 - + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung này với tỷ lệ tán thành 100%.

X. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Bà Ngô Thị Vinh - Thư ký đọc toàn văn Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Kết quả biểu quyết:

- Hình thức biểu quyết : Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết
- Tổng số phiếu hợp lệ: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu tán thành: 10.927.700 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 100%
 - + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
 - + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết : Tỷ lệ 0%

Như vậy, ĐHĐCĐ đã thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội với tỷ lệ tán thành 100%.

C. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Ngô Trường Giang - Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc kết thúc vào lúc 11h00 phút cùng ngày./.

THÀNH VIÊN



Bùi Tiến Dũng

ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI
THÀNH VIÊN



Nguyễn Thanh Tùng

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Ngô Trương Giang

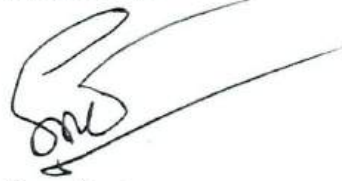
BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

THÀNH VIÊN



Ngô Thị Vinh

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Tiến Sơn

C.P. * C.N.

Số: 01 /NQ- ĐHĐCĐ

Phúc Yên, ngày 23 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Vĩnh Phúc (“Công Ty”);
- Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Nước sạch Vĩnh Phúc ngày 23/04/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc (“Công Ty”) đã biểu quyết để thông qua các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết 01:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng năm 2025.
- Nghị quyết 02:** Thông qua Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2024 CTCP Nước sạch Vĩnh Phúc.
- Nghị quyết 03:** Thông qua Báo cáo của Ban điều hành kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025.

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Quý 1 năm 2025 như sau:**

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH năm 2024 | TH 2024/K H 2024 (%) | TH Quý 1.2025 | TH Quý 1/KH 2025 (%) |
|----------|---|---------------------|-------------|----------------------|---------------|----------------------|
| 1 | Sản xuất nước máy | | | | | |
| - | Sản lượng nước sản xuất + mua | 1.000m ³ | 10.855 | 102 | 2.567 | 23 |
| - | Sản lượng nước tiêu thụ | 1.000m ³ | 9.595 | 102 | 2.255 | 23 |
| - | Tỷ lệ thất thoát | % | 11,61 | - | 12,14 | - |
| 2 | Tổng doanh thu | Tr. đồng | 107.191 | 98 | 25.035 | 23 |
| - | Doanh thu sản xuất nước | Tr. đồng | 102.491 | 99 | 24.224 | 24 |
| - | Doanh thu xây lắp | Tr. đồng | 2.230 | 74 | 475 | 32 |
| - | Doanh thu HĐTC + khác | Tr. đồng | 2.470 | 99 | 336 | 26 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 11.485 | 168 | 3.500 | 38 |
| 4 | Trích nộp ngân sách | Tr. đồng | 17.161 | 116 | 2.700 | 19 |
| 5 | Quản lý khách hàng phát triển cấp nước | | | | | |
| - | Tổng số hộ đang thực hiện HĐ | Hộ | 34.276 | - | 34.531 | - |

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH năm 2024 | TH 2024/KH 2024 (%) | TH Quý 1.2025 | TH Quý 1/KH 2025 (%) |
|-----|----------------------------------|-------------|-------------|---------------------|---------------|----------------------|
| | cấp nước | | | | | |
| - | Số hộ lắp mới | Hộ | 1.525 | 59 | 264 | 14 |
| 6 | Tổng số lao động toàn Cty | Người | 127 | 99 | 127 | 99 |
| 7 | Bình quân thu nhập 1 tháng/người | Tr. đồng | 11,5 | 101 | 10,3 | 87 |

❖ Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị | TH năm 2024 | KH năm 2025 | So sánh KH 2025 /TH 2024 (%) |
|-----|---|---------------------|-------------|-------------|------------------------------|
| 1 | Sản xuất nước máy | | | | |
| - | Sản lượng nước sạch | 1000 m ³ | 10.855 | 10.955 | 101 |
| - | Sản lượng nước tiêu thụ | 1000 m ³ | 9.595 | 9.640 | 100,5 |
| - | Tỷ lệ thất thoát | % | 11,61 | 12,0 | - |
| 2 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 107.191 | 106.113 | 99 |
| - | Doanh thu sản xuất nước | Triệu đồng | 102.491 | 103.313 | 101 |
| - | Doanh thu xây lắp | Triệu đồng | 2.230 | 1.500 | 67 |
| - | Doanh thu HĐTC + khác | Triệu đồng | 2.470 | 1.300 | 53 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 11.485 | 9.140 | 80 |
| 4 | Trích nộp ngân sách | Triệu đồng | 17.161 | 14.364 | 84 |
| 5 | Tổng số hộ đang thực hiện hợp đồng cấp nước | Hộ | 34.276 | 36.116 | - |
| - | Số hộ lắp mới | Hộ | 1.525 | 1.840 | 121 |
| 6 | Tổng số lao động toàn công ty | Người | 127 | 128 | 101 |
| 7 | Bình quân thu nhập 1 người/tháng | Triệu đồng | 11,47 | 11,8 | 103 |

4. **Nghị quyết 04:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán theo tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 23/03/2025 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Giá trị (đồng) |
|-----|-------------------------------|-----------------|
| 1 | Tổng tài sản tại 31/12/2024 | 192.163.947.703 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế năm 2024 | 11.485.010.471 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế năm 2024 | 9.246.059.136 |

5. **Nghị quyết 05:** Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2025 theo tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 23/03/2025 với một số nội dung cơ bản như sau:

- **Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024:**

Năm 2024: Thanh toán thù lao cho HĐQT, BKS là 12 tháng

| | | |
|--------------|--------------------|--------------------|
| Mức thù lao: | - Chủ tịch HĐQT: | 3 triệu đồng/tháng |
| | - Thành viên HĐQT: | 2 triệu đồng/tháng |
| | - Trưởng BKS: | 2 triệu đồng/tháng |
| | - Thành viên BKS: | 1 triệu đồng/tháng |

Số lượng thành viên HĐQT: 05 người (trong đó 01 Chủ tịch và 04 ủy viên)

Số lượng thành viên BKS: 03 người (trong đó 01 Trưởng ban và 02 ủy viên)

Tổng mức thù lao đã chi trả cho HĐQT và BKS năm 2024 là: 180 triệu đồng.

- **Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2025**

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2025 cũng như so sánh với các công ty cổ phần cùng quy mô, loại hình hoạt động, HĐQT Công ty đề nghị Đại hội cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch chi thù lao năm 2025 cho thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách giữ nguyên như mức năm 2024.

| | | |
|--------------|--------------------|--------------------|
| Mức thù lao: | - Chủ tịch HĐQT: | 3 triệu đồng/tháng |
| | - Thành viên HĐQT: | 2 triệu đồng/tháng |
| | - Trưởng BKS: | 2 triệu đồng/tháng |
| | - Thành viên BKS: | 1 triệu đồng/tháng |

6. Nghị quyết 06: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024 theo tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 21/04/2025 với một số nội dung cơ bản như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024: 9.246.059.136 đồng

- Trích quỹ đầu tư phát triển (30%): 2.759.284.136 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 2 tháng lương bình quân của người lao động năm 2024: 2.616.000.000 đồng
- Trích quỹ thưởng người quản lý bằng 1,5 tháng lương bình quân bộ phận quản lý công ty năm 2024: 307.800.000 đồng
- Chia cổ tức cho các cổ đông số còn lại: 3.562.975.000 đồng, tương đương mức cổ tức là 3,25% vốn điều lệ.

7. Nghị quyết 07: Thông qua Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty theo tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 23/03/2025.

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với quy định hiện hành.
- Tổ chức kiểm toán độc lập này được Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo danh sách hàng năm.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán phù hợp: Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, Công ty TNHH kiểm toán VACO.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các phòng/ban/Chi nhánh/đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty (để b/c);
- HĐQT, BKS (để biết);
- Ban Giám đốc (để t/hiện);
- Lưu VP, VT;

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Ngô Trường Giang





CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC

Số 220 Trần Phú, Phường Phúc Thắng, Tp. Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Điện thoại: 02113 868 661

Fax: 02113 868 663

Mã số doanh nghiệp: 2500144719 Website: <https://www.nuocsachvinhphuc.com.vn>



QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty Cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định theo Quy chế này.

Điều 2: Nguyên tắc chung

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông phải mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ các giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn đón tiếp và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.
2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định, tuân thủ sự sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng đại hội.
4. Giao tiếp hòa nhã, thân thiện, giữ trật tự và thái độ nghiêm túc trong giờ họp. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông (*nếu có nhu cầu sử dụng điện thoại di động xin mời quý cổ đông trao đổi bên ngoài phòng họp*).
5. Các đại biểu tham gia cuộc họp phải tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa, tạo điều kiện cho cuộc họp diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng, hợp lệ.

Điều 3: Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tiến hành khi có số cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4: Điều kiện tham dự và quy định về ủy quyền

1. Cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
2. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác tham dự ĐHĐCĐ. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.
3. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của công ty và quy định của pháp luật về dân sự. Trong trường hợp cổ đông không sử dụng văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty, Văn

bản ủy quyền được phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.

Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

4. Trước khi tham dự họp, Cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông phải tiến hành thủ tục đăng ký tham dự cuộc họp.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ

1. Tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự cuộc họp được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Tất cả các cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại pháp luật hiện hành, Điều lệ của Công ty và quy chế này (sau khi quy chế được ĐHĐCĐ thông qua).
3. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông phải xuất trình bản gốc giấy tờ pháp lý cá nhân (là một trong các loại giấy tờ sau: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác), Thư mời tham dự, Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền của cá nhân hoặc tổ chức) với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông để đăng ký và nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và tài liệu họp theo quy định của Công ty.
4. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi để chuyển cho Ban Thư ký Đại hội.
5. Cổ đông được quyền biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
6. Cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.
7. Cổ đông đến sau khi Đại hội khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 6: Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
2. Chủ tọa Đại hội đề cử nhân sự cho Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu, Ban Thư ký Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Chủ tọa chủ trì, cùng các thành viên trong Đoàn Chủ tịch điều hành ĐHĐCĐ và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. Chủ tọa có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
6. Chủ tọa Đại hội có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổ chức Đại hội

1. Ban Tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định thành lập hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thành lập.
2. Trưởng Ban Tổ chức Đại hội phân công các thành viên của Ban kiểm tra tư cách cổ đông để thực hiện thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông đến dự họp, phát các tài liệu, thực hiện các công tác tổ chức khác.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên do Ban tổ chức Đại hội lựa chọn.
2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
3. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ và làm thủ tục đăng ký cổ đông/đại diện cổ đông tham dự họp, phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết cho cổ đông/đại diện cổ đông.
4. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký Đại hội:
 - Ghi chép trung thực, chính xác các nội dung và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
 - Lập Biên bản Đại hội.
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông/đại diện cổ đông (nếu có).
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua với số lượng 05 (năm) thành viên.
2. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.
 - Ban kiểm phiếu sẽ xác định số Phiếu tán thành, số Phiếu không tán thành và số Phiếu không có ý kiến và số Phiếu không hợp lệ; Xác định kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
 - Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

4. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác các công việc đã thực hiện và kết quả kiểm phiếu.

Điều 11: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

1. Hình thức biểu quyết:

- a. Cổ đông và Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc bằng hình thức sử dụng Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được in sẵn theo mẫu của Ban Tổ chức Đại hội, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội, có các thông tin về mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.

Cổ đông dùng Thẻ biểu quyết để biểu quyết các vấn đề xin ý kiến biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng cách giơ Thẻ biểu quyết.

Ngoài các vấn đề xin ý kiến biểu quyết trực tiếp bằng cách giơ Thẻ biểu quyết tại đại hội, đối với các nội dung Báo cáo, Tờ trình và các nội dung khác (nếu có), Cổ đông biểu quyết bằng hình thức lựa chọn các nội dung biểu quyết (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến) vào Phiếu biểu quyết, ký xác nhận và bỏ vào Hòm phiếu theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

- b. Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ, Chủ tọa Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:

- Lần thứ nhất : Biểu quyết tán thành.
- Lần thứ hai : Biểu quyết không tán thành.
- Lần thứ ba : Biểu quyết không có ý kiến.

2. *Đối với việc biểu quyết trực tiếp bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:* Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến) đối với từng lần Chủ tọa xin ý kiến biểu quyết về một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông không thực hiện biểu quyết nội dung nào, cổ đông có nghĩa vụ thông báo ngay tại thời điểm biểu quyết nội dung đó cho Ban kiểm phiếu để tổng hợp kết quả.

3. *Đối với việc biểu quyết nội dung các Báo cáo, Tờ trình, các nội dung khác (nếu có) bằng cách lựa chọn nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết:* Các cổ đông tích lựa chọn đánh dấu “v” hoặc “x” vào ô thích hợp trong Phiếu biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ trong các trường hợp sau:

- + Là Phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, có đóng dấu của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;
- + Phiếu biểu quyết không bị rách;
- + Nội dung biểu quyết không bị tẩy xóa, cạo, sửa;
- + Nội dung biểu quyết hợp lệ là nội dung được Cổ đông lựa chọn cụ thể 1 trong 3 ô: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.
- + Phiếu biểu quyết có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

- Phiếu biểu quyết và nội dung biểu quyết được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:



- + Phiếu biểu quyết không phải do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, không có dấu của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;
 - + Phiếu biểu quyết bị rách, tẩy xóa, sửa chữa các thông tin trên Phiếu;
 - + Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
 - + Cổ đông không đánh dấu vào bất kỳ ô nào hoặc đánh dấu từ 2 ô trở lên đối với cùng một nội dung biểu quyết hoặc phiếu tẩy xóa dẫn tới không rõ nội dung lựa chọn thì được coi là không hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó.
 - + Phiếu biểu quyết nộp cho Ban Tổ chức Đại hội sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và Hòm phiếu đã được niêm phong.
4. Tỷ lệ biểu quyết và điều kiện để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 12: Phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. Cổ đông/đại diện cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình Đại hội đã thông qua. Thời gian phát biểu của mỗi cổ đông tối đa là 3 phút.
3. Chủ tọa sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Ban Thư ký Đại hội ghi chép đầy đủ vào Biên bản cuộc họp và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
2. Biên bản cuộc họp là cơ sở để soạn thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua và các tài liệu có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Trường hợp Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội từ chối ký biên bản họp.

Điều 14: Hiệu lực thi hành

Quy chế làm việc và biểu quyết này được công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông, có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và áp dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

C. P. C. H. U. C. ★

Phúc Yên, ngày 25 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025
Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025
của Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc**

Kính thưa quý vị cổ đông!

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc, trước tiên tôi xin cảm ơn toàn thể Quý cổ đông đã dành thời gian tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty ngày hôm nay.

Tôi xin thay mặt HĐQT báo cáo trước các Quý cổ đông tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 vừa qua và định hướng năm 2025.

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

1. Các phiên họp định kỳ và chế độ báo cáo của HĐQT năm 2024:

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 13 phiên họp định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên HĐQT tham dự. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, các nội dung đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Các mặt hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:

Về hoạt động giám sát, điều hành với Ban giám đốc được thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty, theo quy chế làm việc của HĐQT, của Ban giám đốc, theo phân cấp ủy quyền... Về cơ bản tất cả các chỉ đạo của HĐQT đều được triển khai kịp thời, đúng đối tượng; các báo cáo vướng mắc, khó khăn đều được HĐQT quán triệt chỉ đạo xử lý dứt điểm tránh những rủi ro thiệt hại xảy ra.

Về cơ cấu tổ chức:

Năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên gồm:

- Ông Ngô Trường Giang – Chủ tịch HĐQT;
- Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; bổ nhiệm ngày 25/4/2022
- Ông Nguyễn Tiến Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc; bổ nhiệm ngày 25/4/2022
- Ông Bùi Tiến Dũng – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc;
- Ông Vũ Mạnh Hà – Thành viên HĐQT, bổ nhiệm ngày 25/4/2022

Trong đó có 03 thành viên trực tiếp tham gia công tác quản lý điều hành tại doanh nghiệp.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2024:

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2024 và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT dưới sự ủy quyền được thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2024 đã triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và quý 1 năm 2025 như sau:

| <i>Stt</i> | <i>Chỉ tiêu</i> | <i>Đơn vị tính</i> | <i>TH năm 2024</i> | <i>TH 2024/KH 2024 (%)</i> | <i>TH Quý 1.2025</i> | <i>TH Quý 1/KH 2025 (%)</i> |
|------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|----------------------------|----------------------|-----------------------------|
| 1 | Sản xuất nước máy | | | | | |
| - | Sản lượng nước sản xuất + mua | 1.000m ³ | 10.855 | 102 | 2.567 | 23 |
| - | Sản lượng nước tiêu thụ | 1.000m ³ | 9.595 | 102 | 2.255 | 23 |
| - | Tỷ lệ thất thoát | % | 11,61 | - | 12,14 | - |
| 2 | Tổng doanh thu | Tr. đồng | 107.191 | 98 | 25.035 | 23 |
| - | Doanh thu sản xuất nước | Tr. đồng | 102.491 | 99 | 24.224 | 24 |

| <i>Stt</i> | <i>Chỉ tiêu</i> | <i>Đơn vị tính</i> | <i>TH năm 2024</i> | <i>TH 2024/KH 2024 (%)</i> | <i>TH Quý 1.2025</i> | <i>TH Quý 1/KH 2025 (%)</i> |
|------------|---|--------------------|--------------------|----------------------------|----------------------|-----------------------------|
| - | Doanh thu xây lắp | Tr. đồng | 2.230 | 74 | 475 | 32 |
| - | Doanh thu HĐTC + khác | Tr. đồng | 2.470 | 99 | 336 | 26 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 11.485 | 168 | 3.500 | 38 |
| 4 | Trích nộp ngân sách | Tr. đồng | 17.161 | 116 | 2.700 | 19 |
| 5 | Quản lý khách hàng phát triển cấp nước | | | | | |
| - | Tổng số hộ đang thực hiện HĐ cấp nước | Hộ | 34.276 | - | 34.531 | - |
| - | Số hộ lắp mới | Hộ | 1.525 | 59 | 264 | 14 |
| 6 | Tổng số lao động toàn Cty | Người | 127 | 99 | 127 | 99 |
| 7 | Bình quân thu nhập 1 tháng/người | Tr. đồng | 11,5 | 101 | 10,3 | 87 |

Năm 2024, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; sản lượng nước sản xuất tăng 2%, nước tiêu thụ tăng 2%, tỷ lệ thất thoát đạt kế hoạch; Doanh nghiệp làm ăn có lãi do tiết kiệm được chi phí sản xuất, các chỉ tiêu thu nộp ngân sách, thu nhập của người lao động đều tăng, quản lý vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, thực hiện quy trình cấp nước hợp lý, điều chỉnh áp lực cấp nước phù hợp từ đó đảm bảo cấp đủ nước ra mạng, giảm tiêu hao điện năng trong sản xuất, giảm chi phí điện năng trong các giờ cao điểm. Quý 1 năm 2025, các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch năm 2025 mới chỉ hoàn thành kế hoạch, doanh nghiệp cần đẩy mạnh kế hoạch phát triển sản xuất để đảm bảo hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

3. Công tác cổ đông:

- Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc trở thành công ty đại chúng ngày 19/11/2015 theo Văn bản chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng số 7211/UBCK-QLPH ngày 19/11/2015 của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định tại điều 120 của Luật chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính; Thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (tên hiện tại là “ Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam”) ngày 06/12/2016:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc

- Mã chứng khoán: NVP
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 10.963.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 109.630.000.000 đồng
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ

Cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tháng 12/2016.

Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm chốt danh sách ngày 25/03/2025 như sau:

| Stt | Loại cổ đông | Số cổ đông | Số lượng Cổ phần sở hữu | Giá trị Cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------------|------------|-------------------------|------------------------|------------------|
| 1 | Cổ đông tổ chức | 2 | 10.682.100 | 106.821.000.000 | 97,44 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 107 | 280.900 | 2.809.000.000 | 2,56 |
| | Tổng cộng (1+2) | 109 | 10.963.000 | 109.630.000.000 | 100 |

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT trong năm 2024

Báo cáo về thu nhập của HĐQT năm 2024 được trình bày cụ thể tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thu nhập (VND) |
|-----|-----------------------|-----------------------------------|----------------------|
| 1 | Ông Ngô Trường Giang | Chủ tịch HĐQT | 758.311.638 |
| 2 | Ông Bùi Tiến Dũng | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 481.839.852 |
| 3 | Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 619.632.123 |
| 4 | Ông Nguyễn Tiến Sơn | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 427.874.789 |
| 5 | Ông Vũ Mạnh Hà | Thành viên HĐQT | 217.354.009 |
| | Tổng cộng | | 2.505.012.411 |

5. Đánh giá chung:

Năm 2024, tình hình kinh tế còn nhiều biến động, khó khăn, Hội đồng quản trị đã có những quyết sách, những biện pháp phù hợp, linh hoạt kịp thời giúp Công ty chủ động đối phó với những biến động đó, HĐQT cùng BGĐ giữ ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn liên tục với chất lượng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế. Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh, bảo toàn nguồn vốn và thực hiện tốt các chủ trương mà Đại hội cổ đông đã đề ra. Sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, lợi nhuận ổn định, sản phẩm chất lượng cao góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu của Công ty.

Tuy nhiên, cũng giống như các doanh nghiệp khác, Công ty đang phải đối mặt với những khó khăn thách thức do ảnh hưởng của nền kinh tế suy thoái, cụ thể ảnh hưởng đến sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu.... Bên cạnh khó khăn do yếu tố khách quan gây ra, Công ty còn phải khắc phục những hạn chế về nguồn nhân lực và những hạn chế về khả năng nguồn vốn phục vụ cho việc đầu tư để đưa Công ty phát triển bền vững.

II. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị | KH năm 2025 | So sánh KH 2025 /TH 2024 (%) |
|-----|--|---------------------|-------------|------------------------------|
| 1 | Sản xuất nước máy | | | |
| - | Sản lượng nước sạch | 1000 m ³ | 10.955 | 101 |
| - | Sản lượng nước tiêu thụ | 1000 m ³ | 9.640 | 100,5 |
| - | Tỷ lệ thất thoát | % | 12,0 | - |
| 2 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 106.113 | 99 |
| - | Doanh thu sản xuất nước | Triệu đồng | 103.313 | 101 |
| - | Doanh thu xây lắp | Triệu đồng | 1.500 | 67 |
| - | Doanh thu HĐTC + khác | Triệu đồng | 1.300 | 53 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 9.140 | 80 |
| 4 | Trích nộp ngân sách | Triệu đồng | 14.364 | 84 |
| 5 | Tổng số hộ đang thực hiện hợp đồng cấp nước | Hộ | 36.116 | - |
| - | Số hộ lắp mới | Hộ | 1.840 | 121 |

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị | KH năm 2025 | So sánh KH 2025 /TH 2024 (%) |
|-----|----------------------------------|------------|-------------|------------------------------|
| 6 | Tổng số lao động toàn công ty | Người | 128 | 101 |
| 7 | Bình quân thu nhập 1 người/tháng | Triệu đồng | 11,8 | 103 |

Các dự án đầu tư năm 2025.

Thực hiện đầu tư các công trình sau từ nguồn vốn khấu hao, vốn đầu tư phát triển và các nguồn huy động hợp pháp khác:

| Stt | Danh mục công trình | Quy mô | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | KLHT tính đến 31/12/2024 | Kế hoạch 2025 | Ghi chú |
|-----------|--|---------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| I. | CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP | | 122.703 | 9.587 | 27.186 | |
| 1 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Giặt và Thượng Đức - TT Đạo Đức năm 2022 | 4,1 km | 2.153 | 1.507 | 646 | |
| 2 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Trong, TDP Trại Giữa và TDP Trại Ngoài - TT Đạo Đức | 8,4 km | 4.183 | 3.514 | 669 | |
| 3 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Tây Trại, TDP Đông Đoài - TT Đạo Đức | 6,3 km | 3.251 | 2.146 | 1.105 | |
| 4 | Tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho TT Đạo Đức - huyện Bình Xuyên (đoạn từ trường Tiểu học Đạo Đức A đến TDP Tây Trại) | 2,7 km | 4.649 | 2.050 | 2.599 | |
| 5 | Tuyến ống cấp nước truyền dẫn dọc ĐT.302 từ Km0+230 ÷ Km2+570 | 2,24 km | 4.146 | | | |
| 6 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Bá Cầu - xã Sơn Lôi | 6,4 km | 4.995 | | 4.995 | |

| Stt | Danh mục công trình | Quy mô | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | KLHT tính đến 31/12/2024 | Kế hoạch 2025 | Ghi chú |
|-----------|--|-------------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| 7 | Tuyến ống cấp nước truyền dẫn xã Sơn Lôi đoạn từ đường ĐT.310B (Km2+765) đến thôn Ái Văn | 1,91 km | 3.525 | | 3.525 | |
| 8 | Tuyến ống cấp nước dọc đường vành đai 4 cấp nước cho KCN Nam Bình Xuyên | 1,35km | 5.070 | | 5.070 | |
| 9 | Cải tạo tuyến ống cấp nước DN315 từ nhà máy nước Đồi Cắm đến ngã 3 đường tránh Phúc Yên giao với phố Chùa Cắm | 510m | 1.997 | | 1.997 | |
| 10 | Cải tạo, mở rộng nhà điều hành sản xuất | 1900m2 | 20.821 | 371 | 500 | |
| 11 | Lập hồ sơ cấp giấy phép khai thác nước dưới đất Nhà máy nước Phúc Yên, công suất 19.000m3/ngđ | 19000m3/ngđ | 1.138 | | 1.138 | |
| 12 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho xóm Quảng Tự - thôn Cao Quang | 2,1 km | 1.282 | | 1.282 | |
| 13 | Tuyến ống cấp nước sạch D400 dọc đường QL2 - Đoạn từ ngã 3 Tiền Châu (Gần TT điện máy xanh PY) đi qua trạm tăng áp Hương Canh (KM17 +650 đến KM22+890) | 5,29 km | 65.493 | | 3.659 | |
| II | CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ 2025 | | 48.168 | 0 | 33.388 | |
| 1 | Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn An Lão - Sơn Lôi | 8,8 km | 6.900 | | 6.900 | |
| 2 | Cải tạo, thay thế các tuyến ống dịch vụ khu vực thành phố Phúc Yên và huyện Bình Xuyên | 7,1 km | 4.780 | | 4.780 | |

| Stt | Danh mục công trình | Quy mô | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | KLHT tính đến 31/12/2024 | Kế hoạch 2025 | Ghi chú |
|-----|---|---------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| - | Cải tạo các tuyến ống dịch vụ khu vực thành phố Phúc Yên | 5,5 km | 3.700 | | 3.700 | |
| - | Cải tạo các tuyến ống dịch vụ khu vực huyện Bình Xuyên | 1,6 km | 1.080 | | 1.080 | |
| 3 | Tuyến ống dịch vụ thôn Hữu Bằng, Hàm Rồng xã Tam Hợp | 7,8 km | 6.700 | | 6.700 | |
| 4 | Tuyến ống dịch vụ thôn Ngoại Trạch 1, 2 xã Tam Hợp | 9,5 km | 5.700 | | 5.700 | |
| 5 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Chợ Nội, Xuôi Ngành và Nội Phạt - xã Tam Hợp | 11,2 km | 7.108 | | 7.108 | |
| 6 | Bể chứa 2000m3 Bình Xuyên | 2000m3 | 4.500 | | | |
| 7 | Tuyến ống dịch vụ thôn Đồng Giăng xã Ngọc Thanh | 4,2 km | 2.200 | | 2.200 | |
| 8 | Tuyến ống cấp nước sạch DN315 dọc đường trục trung tâm khu đô thị mới Mê Linh (đường 100) đoạn từ ranh giới Vĩnh Phúc Hà Nội đến đường QL2a | 3,8 km | 10.280 | | | |
| III | CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ | 22.768 | 0 | 0 | | |
| 1 | Tuyến ống cấp nước dọc đường tỉnh 310B (đoạn từ Km4+000 đến Km7+940) | 3,56 km | 13.371 | | | |
| 2 | Lắp đặt hệ thống ép bùn công suất 500kg/ngđ | | 9.397 | | | |

| Stt | Danh mục công trình | Quy mô | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | KLHT tính đến 31/12/2024 | Kế hoạch 2025 | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| | TỔNG CỘNG | | 193.639 | | 60.574 | |

2. Biện pháp thực hiện:

Để phân đầu, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 Công ty đã đề ra các biện pháp thực hiện sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp với các nhà đầu tư, nhân dân, chính quyền địa phương huy động nguồn vốn mở rộng mạng lưới cấp nước.

- Tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng nước máy cung cấp ra mạng, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch, từ đó tạo dựng uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường...

- Tiếp tục thực hiện quản lý tốt mạng lưới cấp nước, từng bước đầu tư cải tạo và nâng cấp mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị giám sát theo dõi chất lượng, lưu lượng, áp lực nước hiện đại, làm tốt công tác chống thất thoát, từ đó tìm biện pháp giảm tỷ lệ thất thu, thất thoát nước sạch xuống mức bình quân dưới 12% trong năm 2025.

- Tiếp tục phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động trong quản lý điều hành của tập thể các thành viên trong HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Bám sát các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vận dụng tốt vào thực tiễn, xây dựng các phương án, cơ chế phù hợp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

- Phát huy sức mạnh tập thể, vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị trong tất cả các hoạt động kinh tế, chính trị xã hội, đời sống, việc làm.

- Thực hiện tốt công tác ATLD, VSMT, PCCN giảm chi phí nâng cao hiệu quả SXKD.

III. Báo cáo về các giao dịch nội bộ

1. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

Đã được báo cáo tại mục 2. VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 và được Công bố thông tin theo đúng quy định

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Đã được báo cáo tại mục 4. VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 và được Công bố thông tin theo đúng quy định

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của Hội đồng quản trị. Kính đề nghị Đại hội xem xét và cho ý kiến.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Trường Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phúc Yên, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Số: 02/BC-BKS



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ
TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát năm 2024.

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của công ty năm 2024 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là:

- Đại diện BKS đã tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty để duy trì việc giám sát các hoạt động của Công ty cũng như bàn về các định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị; kiểm tra tính hiệu quả của công tác điều hành kinh doanh của Công ty.
- Đại diện BKS định kỳ xem xét các báo cáo tài chính quý, năm trước khi kiểm toán và sau kiểm toán.
- Xem xét một số báo cáo định kỳ do HĐQT, Ban điều hành Công ty cung cấp.

II. Về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Ban Kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, số liệu, nội dung yêu cầu và tham dự, góp ý tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, tuân thủ Quy chế quản trị Công ty và các quy chế hoạt động đã ban hành.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 phiên họp định kỳ, ban hành 11 Nghị quyết và 13 Quyết định có liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; quyết định, chỉ đạo của Ban giám đốc Công ty đã kịp thời và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

III. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Quý 1 năm 2025 như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH năm 2024 | TH 2024/KH 2024 (%) | TH Quý 1.2025 | TH Quý 1/KH 2025 (%) |
|----------|---|---------------------|-------------|---------------------|---------------|----------------------|
| 1 | Sản xuất nước máy | | | | | |
| - | Sản lượng nước sản xuất + mua | 1.000m ³ | 10.855 | 102 | 2.567 | 23 |
| - | Sản lượng nước tiêu thụ | 1.000m ³ | 9.595 | 102 | 2.255 | 23 |
| - | Tỷ lệ thất thoát | % | 11,61 | - | 12,14 | - |
| 2 | Tổng doanh thu | Tr. đồng | 107.191 | 98 | 25.035 | 23 |
| - | Doanh thu sản xuất nước | Tr. đồng | 102.491 | 99 | 24.224 | 24 |
| - | Doanh thu xây lắp | Tr. đồng | 2.230 | 74 | 475 | 32 |
| - | Doanh thu HĐTC + khác | Tr. đồng | 2.470 | 99 | 336 | 26 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 11.485 | 168 | 3.500 | 38 |
| 4 | Trích nộp ngân sách | Tr. đồng | 17.161 | 116 | 2.700 | 19 |
| 5 | Quản lý khách hàng phát triển cấp nước | | | | | |
| - | Tổng số hộ đang thực hiện HĐ cấp nước | Hộ | 34.276 | - | 34.531 | - |
| - | Số hộ lắp mới | Hộ | 1.525 | 59 | 264 | 14 |
| 6 | Tổng số lao động toàn Cty | Người | 127 | 99 | 127 | 99 |
| 7 | Bình quân thu nhập 1 tháng/người | Tr. đồng | 11,5 | 101 | 10,3 | 87 |

50014
CÔNG
ĐỐC PH
TỐC S
INH P
YÊN -

2. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng:

Năm 2024 Công ty đã tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình cần thiết, quan trọng thuộc Mạng lưới cấp nước dịch vụ khu vực Phúc Yên và khu vực Bình Xuyên. Cụ thể:

- Công ty tiến hành cải tạo, thay thế các tuyến ống cũ với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT khoảng: 4,7 tỷ đồng.

- Công ty triển khai đầu tư các tuyến ống cấp nước mới với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT khoảng: 8,3 tỷ đồng.

IV. Kết quả giám sát về tài chính và thẩm định tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính:

Trên cơ sở báo cáo tài chính do Ban điều hành Công ty lập, Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO, Ban kiểm soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Thống nhất với báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán trên.

- Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tính hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty và được trình bày theo các mẫu cáo cáo quy định của Bộ Tài chính.

- Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty là trung thực và tuân thủ các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

- Công ty đã thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng đầy đủ và kịp thời. Báo cáo đáp ứng được các nội dung cũng như biểu mẫu theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý tài chính.

* Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2024, Ban kiểm soát lập bảng tổng hợp sau:

| Số TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 31/12/2024 | | 01/01/2024 |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------|------------|
| | | | Giá trị (Triệu đồng) | Chỉ số | Chỉ số |
| A | Khả năng thanh toán | | | | |
| 1 | Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | (51.035 – 14.110)/27.070 | 1,36 | 1,27 |
| 2 | Khả năng thanh toán hiện hành Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | Lần | 51.035/27.070 | 1,89 | 1,78 |

| Số TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 31/12/2024 | | 01/01/2024 |
|----------|---|-------------|----------------------|--------|------------|
| | | | Giá trị (Triệu đồng) | Chỉ số | Chỉ số |
| B | Cơ cấu Tài sản, nguồn vốn | | | | |
| 1 | Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 51.035/192.164 | 26,56 | 28,27 |
| 2 | Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 141.129/192.164 | 73,44 | 71,73 |
| 3 | Tổng nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 54.346/192.164 | 28,28 | 31,99 |
| 4 | Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 137.818/192.164 | 71,72 | 68,01 |
| C | Hệ số Nợ | | | | |
| 1 | Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | % | 54.346/137.818 | 39,43 | 47,03 |
| 2 | Nợ phải thu của khách hàng/Tài sản ngắn hạn | % | 3.467/51.035 | 6,79 | 6,55 |
| D | Chỉ số hiệu quả hoạt động | | | | |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 9.246/192.164 | 4,81 | 2,67 |
| 2 | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS) | % | 9.246/104.721 | 8,83 | 5,12 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 9.246/137.818 | 6,70 | 3,92 |

*** Nhận xét:**

Qua các chỉ tiêu tài chính, thấy được: Tình hình tài chính cũng như dòng tiền của Công ty rất tốt, đảm bảo khả năng thanh toán kịp thời và an toàn cao hơn năm 2023. Cơ cấu tài sản nguồn vốn cân đối, hợp lý, Tài sản ngắn hạn (51 tỷ) lớn hơn Nợ phải trả ngắn hạn (27 tỷ) tức là Nguồn vốn lưu động thường xuyên dương thể hiện sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.

Hệ số Tổng Nợ phải trả/Vốn CSH năm 2024 (D/E) < 1: Tỷ lệ nợ thấp hơn phần vốn chủ sở hữu, chứng tỏ khả năng quản lý nợ, rủi ro từ những khoản nợ của Công ty đang tốt.

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA), Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2024 đều tăng so với năm 2023 chứng tỏ hiệu quả sử dụng tài sản và vốn của công ty rất tốt, chỉ tiêu Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS) tăng so với năm trước, chứng tỏ giá trị gia tăng của doanh thu cung cấp dịch vụ theo yếu tố tăng so với năm trước và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng đã tiết giảm so với năm 2023.

V. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành, tham gia các cuộc họp của HĐQT.

vụ theo yếu tố tăng so với năm trước và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng đã tiết giảm so với năm 2023.

V. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành, tham gia các cuộc họp của HĐQT.

- Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin từ HĐQT, Ban giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty. Từ đó Ban kiểm soát đã tham gia góp ý, kiến nghị việc quản trị điều hành công ty trong các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý, năm.

- Ban kiểm soát đã trao đổi với HĐQT, Ban giám đốc trên tinh thần trung thực, thẳng thắn đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty về những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các bên để đảm bảo việc thực thi đạt kết quả và đúng Pháp luật.

VI. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Báo cáo về thu nhập của BKS năm 2024 được trình bày cụ thể tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thu nhập (VND) | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------|--------------------|---------|
| 1 | Ông Dương Cảnh Hưng | Trưởng BKS | 317.660.116 | |
| 2 | Ông Phạm Huy Hùng | Thành viên BKS | 191.338.884 | |
| 3 | Bà Đào Thị Hương | Thành viên BKS | 268.498.803 | |
| | Tổng cộng | | 777.497.803 | |

VII. Tình hình cổ đông:

Tình hình cổ đông tại thời điểm ngày 25/03/2025 (thời điểm chốt danh sách người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 - Danh sách do Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp) như sau:

| Stt | Loại cổ đông | Số cổ đông | Số lượng Cổ phần sở hữu | Giá trị Cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------------|------------|-------------------------|------------------------|------------------|
| 1 | Cổ đông tổ chức | 2 | 10.682.100 | 106.821.000.000 | 97,44 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 107 | 280.900 | 2.809.000.000 | 2,56 |
| | Tổng cộng (1+2) | 109 | 10.963.000 | 109.630.000.000 | 100 |

VIII. Đánh giá về các giao dịch có liên quan và giao dịch nội bộ

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Đã được báo cáo tại mục 4. VII Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024 và được Công bố thông tin theo đúng quy định.

IX. Kết luận và kiến nghị:

- Năm 2024, Công ty đã vận hành nhà máy nước an toàn; sản lượng nước sạch cấp ra mạng ổn định, đạt tiêu chuẩn; công tác sửa chữa, bảo dưỡng máy móc cơ bản kịp thời, các chỉ tiêu về sản xuất và tài chính hoàn thành theo kế hoạch, chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 98% so với UBND tỉnh giao.

- Sản lượng nước sản xuất năm 2024 là: 10.855.138 m³ (trong đó sản lượng nước sản xuất là 8.141.282 m³, sản lượng nước sạch mua từ các công ty khác là 2.613.856 m³), tăng 102% so với kế hoạch.

- Sản lượng nước tiêu thụ là 9.594.649 m³ trong đó XNDV Phúc Yên đạt 6.201.385 m³, XNDV Bình Xuyên đạt 3.393.264 m³, tăng 102% so với kế hoạch.

- Tổng doanh thu đạt 98% so với kế hoạch năm (107 tỷ đồng), trong đó doanh thu sản xuất nước đạt 99% (102,4 tỷ đồng), doanh thu lắp đặt đạt 74% (2,2 tỷ đồng), doanh thu HĐTC + khác đạt 99% (2,4 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế đạt 168% so với kế hoạch.

- Thực hiện đầy đủ việc đóng thuế và nộp ngân sách nhà nước trong năm 2024 trên 17 tỷ đồng.

- Tổng điện năng tiêu thụ năm 2024: 3,59 triệu kwh (giảm 2% so với năm 2023). Trong đó điện năng tiêu thụ trên 1 m³ nước sạch là: 0,42 kwh/m³ (giảm 0,01 kwh/m³ so với năm 2023).

- Trong năm 2024, Bộ phận chống thất thoát của XN Dịch vụ Phúc Yên và XN Dịch vụ Bình Xuyên đã hoạt động tích cực, sát sao trong quản lý mạng lưới cấp nước và xử lý sự cố, đặc biệt việc tăng cường kiểm tra các đồng hồ block, phân tích nguyên nhân, khắc phục sự cố. Tỷ lệ thất thoát đã giảm từ 11,82% năm 2023 xuống 11,61% năm 2024.

- Công tác đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp được HĐQT và Ban giám đốc Công ty quan tâm nhằm tối ưu hóa cơ cấu tổ chức quản lý, áp dụng những tiến bộ về khoa học công nghệ phục vụ công tác quản lý, sản xuất.

- Công tác an sinh xã hội, từ thiện được lãnh đạo Công ty quan tâm, Công ty đã vận động CBCNV ủng hộ cho “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”, “Quỹ vì người nghèo”...; Công ty cũng rất quan tâm đến việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, sức khỏe cho CBCNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ; quan trắc môi trường lao động; tổ chức thăm quan, nghỉ mát; tổ chức, vận động CBCNV, NLD tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao tại đơn vị và địa phương.

- Các chế độ, quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng Bộ luật Lao động, Luật BHXH; việc chi trả tiền lương hàng tháng thực hiện đúng hạn; các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ, thu nhập của người lao động được ổn định.

Ban kiểm soát nhất trí với Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, Báo cáo tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty trình Đại hội; Kính đề nghị Đại hội thông qua Kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty.

*** Kiến nghị và đề xuất của Ban Kiểm soát:**

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, đảm bảo các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn và hiệu quả cao, Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty xem xét chỉ đạo, tập trung xử lý các nội dung:

- Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng tại các khu vực đã được đầu tư đường trục để đảm bảo thúc đẩy sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý mạng đường ống nhằm giảm tỷ lệ thất thoát vượt chỉ tiêu như kế hoạch năm 2025 đã đề ra.

- Đẩy nhanh triển khai thực hiện các dự án đang thi công dở dang hoặc đã duyệt chủ trương đầu tư.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giảm khó đòi, nợ đọng lâu năm, cân nhắc kỹ lưỡng để sử dụng vốn có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Dương Cảnh Hưng

Số: 74/BC-NSVP

Phúc Yên, ngày 21 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
Kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025

Kính gửi:

- Đại Hội đồng cổ đông Công ty;
- Hội đồng quản trị Công ty.

Năm 2024, Ban Điều hành đã quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời triển khai các Nghị quyết của HĐQT với kết quả đạt được như sau:

I. Tình hình hoạt động SXKD của công ty năm 2024

1. Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2024:

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Quý 1 năm 2025 như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH năm 2024 | TH 2024/KH 2024 (%) | TH Quý 1.2025 | TH Quý 1/KH 2025 (%) |
|-----|---|---------------------|-------------|---------------------|---------------|----------------------|
| 1 | Sản xuất nước máy | | | | | |
| - | Sản lượng nước sản xuất + mua | 1.000m ³ | 10.855 | 102 | 2.567 | 23 |
| - | Sản lượng nước tiêu thụ | 1.000m ³ | 9.595 | 102 | 2.255 | 23 |
| - | Tỷ lệ thất thoát | % | 11,61 | - | 12,14 | - |
| 2 | Tổng doanh thu | Tr. đồng | 107.191 | 98 | 25.035 | 23 |
| - | Doanh thu sản xuất nước | Tr. đồng | 102.491 | 99 | 24.224 | 24 |
| - | Doanh thu xây lắp | Tr. đồng | 2.230 | 74 | 475 | 32 |
| - | Doanh thu HĐTC + khác | Tr. đồng | 2.470 | 99 | 336 | 26 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 11.485 | 168 | 3.500 | 38 |
| 4 | Trích nộp ngân sách | Tr. đồng | 17.161 | 116 | 2.700 | 19 |
| 5 | Quản lý khách hàng phát triển cấp nước | | | | | |
| - | Tổng số hộ đang thực hiện HĐ cấp nước | Hộ | 34.276 | - | 34.531 | - |
| - | Số hộ lắp mới | Hộ | 1.525 | 59 | 264 | 14 |

| Stt | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | TH năm 2024 | TH 2024/KH 2024 (%) | TH Quý 1.2025 | TH Quý 1/KH 2025 (%) |
|-----|----------------------------------|-------------|-------------|---------------------|---------------|----------------------|
| 6 | Tổng số lao động toàn Cty | Người | 127 | 99 | 127 | 99 |
| 7 | Bình quân thu nhập 1 tháng/người | Tr. đồng | 11,5 | 101 | 10,3 | 87 |

1.2. Về công tác sản xuất nước máy

- Sản lượng nước sản xuất năm 2024 là: 10.855.138 m³ (trong đó sản lượng nước sản xuất là 8.141.282 m³, sản lượng nước sạch mua từ các công ty khác là 2.613.856 m³).

- Sản lượng nước tiêu thụ là 9.594.649 m³ trong đó XNDV Phúc Yên đạt 6.201.385 m³, XNDV Bình Xuyên đạt 3.393.264 m³.

- Tổng điện năng tiêu thụ năm 2024: 3,59 triệu kwh (giảm 2% so với năm 2023). Trong đó điện năng tiêu thụ trên 1 m³ nước sạch là: 0,42 kwh/m³ (giảm 0,01 kwh/m³ so với năm 2023).

- Để đảm bảo công tác sản xuất nước trong năm 2024 Công ty đã tiến hành kéo bảo dưỡng 14 giếng nước thô; Thổi rửa vệ sinh 04 giếng khoan; Thổi rửa tuyến nước thô D500 nhà máy nước Phúc Yên và tuyến ống D300 NMN Đồi Cầm; Khắc phục sự cố động cơ giếng G2KD; Thay thế biến tần giếng G4KD; ĐĐ1; ĐĐ4; Gia công, lắp đặt tăng cường hệ thống chốt sét Trạm tăng áp Đập Tây, đồng hồ Thanh Xuân Đại Lải và đồng hồ tăng áp Hương Canh; Kết hợp cùng đơn vị nhà thầu thi công vận hành ổn định khu xử lý nước 20.000m³/ngày đêm của NMN Phúc Yên, đem lại hiệu quả cao cho công tác vận hành.

1.3. Công tác thi công, lắp đặt và sửa chữa đường ống cấp nước:

* Thực hiện cải tạo, lắp mới, di chuyển đường ống:

- Cải tạo đường trực D<100: 3.356 m.
- Phát triển đường trực mới: 7.781 m trong đó D<100 là: 6.971m, 100≤ D <200 là: 400m và D ≥ 300 là: 410m.

* Khắc phục và sửa chữa đường ống, thay thế và kiểm định đồng hồ:

- Xử lý ống vỡ: 2.722 điểm.
- Nâng chuyển đồng hồ: 962 cái.
- Thay 26 đồng hồ hộ dân và 03 đồng hồ cơ quan gặp sự cố.
- Số lượng đồng hồ đã được kiểm định: 8.444 cái (DVPY: 6.611 cái, DVBX: 1.243 cái, kho Công ty: 590 cái)

1.4. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng:

Năm 2024 Công ty đã tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình cần thiết, quan trọng thuộc Mạng lưới cấp nước dịch vụ khu vực Phúc Yên và khu vực Bình Xuyên. Cụ thể:

- Công ty tiến hành cải tạo, thay thế các tuyến ống cũ với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT khoảng: 4,7 tỷ đồng.

- Công ty triển khai đầu tư các tuyến ống cấp nước mới với tổng giá trị thanh quyết toán KLHT khoảng: 8,3 tỷ đồng.

2. Về quản lý điều hành thực hiện kế hoạch SXKD:

- Năm 2024, các chỉ tiêu về sản xuất và tài chính hoàn thành theo kế hoạch.

- Luôn bám sát kế hoạch, nhiệm vụ được giao tại các kỳ họp giao ban để chỉ đạo, xử lý và giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình sản xuất nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất.

- Công tác mua sắm vật tư phục vụ thi công: đảm bảo mua đúng, đủ vật tư, thiết bị theo Luật Đấu thầu.

- Công tác đầu tư xây dựng: tích cực phối hợp với các CĐT, Nhà thầu thi công để kết hợp cải tạo hoặc làm mới các tuyến ống cấp nước, nhằm đảm bảo tính đồng bộ kết cấu hạ tầng. Đồng thời luôn đôn đốc đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ, tuy nhiên do vướng mặt bằng và thi công theo các công trình giao thông tại các địa phương lên một số công trình chưa đáp ứng với tiến độ đề ra.

- Công tác lao động tiền lương: đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.

- Công tác Tài chính Kế toán:

- + Tình hình tài chính của công ty luôn minh bạch, rõ ràng.

- + Thực hiện nhiệm vụ thu, chi, kiểm tra việc chi tiêu các khoản tiền vốn, sử dụng vật tư, theo dõi đối chiếu công nợ.

- + Thực hiện các chế độ, chính sách tài chính kế toán, thực hiện thanh toán lương và các chế độ cho CBCNV trong công ty kịp thời.

- + Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định hiện hành của nhà nước, phản ánh trung thực kết quả hoạt động của công ty.

- + Thực hiện đầy đủ việc đóng thuế và nộp ngân sách nhà nước trong năm 2024 trên 17 tỷ đồng.

- Công tác giám sát, kiểm soát chất lượng nước luôn được trú trọng đảm bảo đúng quy trình thực hiện nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm, đảm bảo chất lượng nước cấp ra mạng đạt QCVN 01-1:2018/BYT.

- Hệ thống trang thiết bị, máy móc được kiểm soát chặt chẽ đảm bảo việc phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất.

II. Kế hoạch SXKD năm 2025

Với tốc độ phát triển kinh tế xã hội, các khu công nghiệp, khu đô thị được đầu tư tập trung và phát triển rất nhanh, yêu cầu nhiệm vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật phải đầu tư đồng bộ; Công ty đã lập kế hoạch để có chương trình, mục tiêu phân đấu với những nội dung cụ thể sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

| Stt | Các chỉ tiêu | Đơn vị | TH năm 2024 | KH năm 2025 | So sánh KH 2025 /TH 2024 (%) |
|-----|--|---------------------|-------------|-------------|------------------------------|
| 1 | Sản xuất nước máy | | | | |
| - | Sản lượng nước sạch | 1000 m ³ | 10.855 | 10.955 | 101 |
| - | Sản lượng nước tiêu thụ | 1000 m ³ | 9.595 | 9.640 | 100,5 |
| - | Tỷ lệ thất thoát | % | 11,61 | 12,0 | - |
| 2 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 107.191 | 106.113 | 99 |
| - | Doanh thu sản xuất nước | Triệu đồng | 102.491 | 103.313 | 101 |
| - | Doanh thu xây lắp | Triệu đồng | 2.230 | 1.500 | 67 |
| - | Doanh thu HĐTC + khác | Triệu đồng | 2.470 | 1.300 | 53 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 11.485 | 9.140 | 80 |
| 4 | Trích nộp ngân sách | Triệu đồng | 17.161 | 14.364 | 84 |
| 5 | Tổng số hộ đang thực hiện hợp đồng cấp nước | Hộ | 34.276 | 36.116 | - |
| - | Số hộ lắp mới | Hộ | 1.525 | 1.840 | 121 |
| 6 | Tổng số lao động toàn công ty | Người | 127 | 128 | 101 |
| 7 | Bình quân thu nhập 1 người/tháng | Triệu đồng | 11,47 | 11,8 | 103 |

2. Các dự án đầu tư:

Năm 2025, Công ty tiếp tục thi công 13 công trình với giá trị gần 27 tỷ đồng và dự kiến chuẩn bị đầu tư 10 công trình với tổng mức đầu tư khoảng 71 tỷ đồng từ nguồn vốn khấu hao, vốn đầu tư phát triển và các nguồn huy động hợp pháp khác.

| Stt | Danh mục công trình | Quy mô | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | KLHT tính đến 31/12/2024 | Kế hoạch 2025 | Ghi chú |
|-----|---|--------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| I. | CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP | | 122.703 | 9.587 | 27.186 | |
| 1 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Giật và Thượng Đức - TT Đạo Đức năm 2022 | 4,1 km | 2.153 | 1.507 | 646 | |
| 2 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Trong, TDP Trại Giữa và TDP Trại Ngoài - TT Đạo Đức | 8,4 km | 4.183 | 3.514 | 669 | |

| Stt | Danh mục công trình | Quy mô | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | KLHT tính đến 31/12/2024 | Kế hoạch 2025 | Ghi chú |
|-----|--|-------------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| 3 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Tây Trại, TDP Đông Đoài - TT Đạo Đức | 6,3 km | 3.251 | 2.146 | 1.105 | |
| 4 | Tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho TT Đạo Đức - huyện Bình Xuyên (đoạn từ trường Tiểu học Đạo Đức A đến TDP Tây Trại) | 2,7 km | 4.649 | 2.050 | 2.599 | |
| 5 | Tuyến ống cấp nước truyền dẫn dọc ĐT.302 từ Km0+230 ÷ Km2+570 | 2,24 km | 4.146 | | | |
| 6 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Bá Cầu - xã Sơn Lôi | 6,4 km | 4.995 | | 4.995 | |
| 7 | Tuyến ống cấp nước truyền dẫn xã Sơn Lôi đoạn từ đường ĐT.310B (Km2+765) đến thôn Ái Văn | 1,91 km | 3.525 | | 3.525 | |
| 8 | Tuyến ống cấp nước dọc đường vành đai 4 cấp nước cho KCN Nam Bình Xuyên | 1,35km | 5.070 | | 5.070 | |
| 9 | Cải tạo tuyến ống cấp nước DN315 từ nhà máy nước Đồi Cẩm đến ngã 3 đường tránh Phúc Yên giao với phố Chùa Cẩm | 510m | 1.997 | | 1.997 | |
| 10 | Cải tạo, mở rộng nhà điều hành sản xuất | 1900m2 | 20.821 | 371 | 500 | |
| 11 | Lập hồ sơ cấp giấy phép khai thác nước dưới đất Nhà máy nước Phúc Yên, công suất 19.000m3/ngđ | 19000m3/ngđ | 1.138 | | 1.138 | |
| 12 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho xóm Quảng Tự - thôn Cao Quang | 2,1 km | 1.282 | | 1.282 | |

| Stt | Danh mục công trình | Quy mô | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | KLHT tính đến 31/12/2024 | Kế hoạch 2025 | Ghi chú |
|-----------|--|---------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| 13 | Tuyến ống cấp nước sạch D400 dọc đường QL2 - Đoạn từ ngã 3 Tiên Châu (Gần TT điện máy xanh PY) đi qua trạm tăng áp Hương Canh (KM17 +650 đến KM22+890) | 5,29 km | 65.493 | | 3.659 | |
| II | CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ 2025 | | 48.168 | 0 | 33.388 | |
| 1 | Đường ống cấp nước dịch vụ cho thôn An Lão - Sơn Lôi | 8,8 km | 6.900 | | 6.900 | |
| 2 | Cải tạo, thay thế các tuyến ống dịch vụ khu vực thành phố Phúc Yên và huyện Bình Xuyên | 7,1 km | 4.780 | | 4.780 | |
| - | Cải tạo các tuyến ống dịch vụ khu vực thành phố Phúc Yên | 5,5 km | 3.700 | | 3.700 | |
| - | Cải tạo các tuyến ống dịch vụ khu vực huyện Bình Xuyên | 1,6 km | 1.080 | | 1.080 | |
| 3 | Tuyến ống dịch vụ thôn Hữu Bằng, Hàm Rồng xã Tam Hợp | 7,8 km | 6.700 | | 6.700 | |
| 4 | Tuyến ống dịch vụ thôn Ngoại Trạch 1, 2 xã Tam Hợp | 9,5 km | 5.700 | | 5.700 | |
| 5 | Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Chợ Nội, Xuôi Ngành và Nội Phạt - xã Tam Hợp | 11,2 km | 7.108 | | 7.108 | |
| 6 | Bể chứa 2000m3 Bình Xuyên | 2000m3 | 4.500 | | | |
| 7 | Tuyến ống dịch vụ thôn Đồng Giăng xã Ngọc Thanh | 4,2 km | 2.200 | | 2.200 | |
| 8 | Tuyến ống cấp nước sạch DN315 dọc đường trục trung tâm khu đô thị mới Mê Linh (đường 100) đoạn từ ranh giới Vĩnh Phúc Hà Nội đến đường QL2a | 3,8 km | 10.280 | | | |

| Stt | Danh mục công trình | Quy mô | Tổng mức đầu tư (triệu đồng) | KLHT tính đến 31/12/2024 | Kế hoạch 2025 | Ghi chú |
|-----|--|---------|------------------------------|--------------------------|---------------|---------|
| III | CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ | 22.768 | 0 | 0 | | |
| 1 | Tuyến ống cấp nước dọc đường tỉnh 310B (đoạn từ Km4+000 đến Km7+940) | 3,56 km | 13.371 | | | |
| 2 | Lắp đặt hệ thống ép bùn công suất 500kg/ngđ | | 9.397 | | | |
| | TỔNG CỘNG | | 193.639 | | 60.574 | |

3. Các giải pháp cho việc thực hiện kế hoạch năm 2025:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng tại các khu vực Công ty đã đầu tư đường trục để đảm bảo thúc đẩy sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đồng thời góp phần làm tăng doanh thu XDCB.

- Tiếp tục tăng cường công tác chống thất thu, thất thoát, chú trọng hướng dẫn lực lượng quản lý mạng trong việc nghe, dò tìm điểm vỡ trên tuyến để chủ động trong kiểm tra tuyến ống do mình quản lý nhằm phát hiện sớm các điểm rò vỡ, kịp thời khắc phục sửa chữa để giảm tỷ lệ thất thoát đạt chỉ tiêu như kế hoạch đã đề ra.

- Tập trung phát triển mạng cấp nước đến các khu vực chưa được đầu tư tuyến ống cấp nước trong vùng cấp nước của công ty. Chủ động và kịp thời nắm bắt chủ trương của chính quyền địa phương trong đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nhằm phối hợp đồng bộ trong triển khai đầu tư xây dựng và bảo vệ công trình cấp nước.

- Phát triển hoạt động kinh doanh phù hợp với các quy định của pháp luật và mô hình tổ chức hoạt động của công ty hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, an toàn.

- Tiết kiệm chi phí, đảm bảo thu chi minh bạch rõ ràng, nâng cao hiệu quả công tác Tài chính - Kế toán trong Công ty.

- Đổi mới tác phong, tư duy và thái độ làm việc để đảm bảo hiệu quả trong giải quyết công việc.

- Triển khai các bước đầu tư theo đúng quy định của Công ty và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Tăng cường đầu tư trang thiết bị đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất.

Trên đây là báo cáo thực hiện kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025 của Ban điều hành Công ty Cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc.

Trân trọng báo cáo Đại Hội đồng cổ đông./.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng



Số: 04 /TTr-HĐQT

Phúc Yên, ngày 23 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua 17/06/2020;

Căn Cứ Điều lệ tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

HDQT Công ty trình Đại hội cổ đông thông qua báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán VACO với một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán như sau:

ĐVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | Giá trị |
|-----|-------------------------------|-----------------|
| 1 | Tổng tài sản tại 31/12/2024 | 192.163.947.703 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế năm 2024 | 11.485.010.471 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế năm 2024 | 9.246.059.136 |

- Hội đồng quản trị Công ty xin gửi kèm Tờ trình này Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán rút gọn bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán.
- + Báo cáo kết quả kinh doanh.
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Toàn văn báo cáo tài chính đã được công ty Công bố thông tin và đăng tải trên Website công ty theo đường dẫn: <https://nuocsachvinhphuc.com.vn/>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- HDQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Trương Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 51.035.424.060 | 55.169.448.409 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 1.781.747.267 | 6.830.911.531 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.781.747.267 | 4.830.911.531 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 2.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 29.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5 | 29.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 4.974.912.424 | 11.510.182.628 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 3.467.398.146 | 3.613.328.911 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 1.685.341.500 | 6.771.555.394 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 12.061.107.648 | 13.147.879.392 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (12.238.934.870) | (12.022.581.069) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 14.110.211.870 | 15.624.321.934 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 16.901.499.376 | 16.810.229.594 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (2.791.287.506) | (1.185.907.660) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.168.552.499 | 1.204.032.316 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | 188.750.201 | 976.080.020 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 979.802.298 | 227.952.296 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 141.128.523.643 | 140.001.519.486 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 127.417.971.392 | 119.113.055.186 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 127.417.971.392 | 119.113.055.186 |
| - Nguyên giá | 222 | | 409.517.102.070 | 377.955.547.276 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (282.099.130.678) | (258.842.492.090) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 14 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 667.702.000 | 667.702.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (667.702.000) | (667.702.000) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.727.756.241 | 10.203.884.640 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 15 | 1.727.756.241 | 10.203.884.640 |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.482.796.010 | 5.184.579.660 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 6.482.796.010 | 5.184.579.660 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 192.163.947.703 | 195.170.967.895 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 54.345.954.856 | 62.432.934.359 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 27.070.480.332 | 30.934.364.931 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 9.911.826.065 | 10.746.246.554 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 747.273.432 | 739.454.589 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 12 | 1.132.818.942 | 1.859.890.556 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 6.916.425.612 | 5.966.142.788 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 2.220.026.942 | 2.599.211.096 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 602.210.247 | 575.163.745 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 19 | 4.223.094.904 | 4.223.094.904 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | 2.447.000.000 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.316.804.188 | 1.778.160.699 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 27.275.474.524 | 31.498.569.428 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 18 | 6.160.000.000 | 6.160.000.000 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 19 | 21.115.474.524 | 25.338.569.428 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 137.817.992.847 | 132.738.033.536 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 137.817.992.847 | 132.738.033.536 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 109.630.000.000 | 109.630.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 109.630.000.000 | 109.630.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 14.962.550.568 | 13.921.550.568 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 9.246.059.136 | 5.207.099.825 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 9.246.059.136 | 5.207.099.825 |
| 4. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | 3.979.383.143 | 3.979.383.143 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 192.163.947.703 | 195.170.967.895 |

Phạm Thị Lan Anh
Người lập biểu
Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Ngô Thị Vinh
Kế toán trưởng

Ngô Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 21 | 104.721.244.603 | 101.634.732.754 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 104.721.244.603 | 101.634.732.754 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 22 | 72.512.865.777 | 69.781.145.422 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 32.208.378.826 | 31.853.587.332 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 1.793.435.016 | 1.724.588.892 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 1.662.490.901 | 1.851.767.202 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 1.662.490.901 | 1.851.767.202 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 26 | 5.962.561.395 | 4.805.079.641 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 26 | 13.496.631.607 | 18.019.571.111 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 12.880.129.939 | 8.901.758.270 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 27 | 676.886.607 | 676.276.974 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 28 | 2.072.006.075 | 2.293.914.372 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (1.395.119.468) | (1.617.637.398) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 11.485.010.471 | 7.284.120.872 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 29 | 2.238.951.335 | 2.077.021.047 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | 9.246.059.136 | 5.207.099.825 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 30 | 843 | 315 |

Phạm Thị Lan Anh
Người lập biểu
Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Ngô Thị Vinh
Kế toán trưởng



Ngô Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 11.485.010.471 | 7.284.120.872 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 23.971.617.891 | 23.812.475.171 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | (625.266.353) | 373.385.867 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (1.751.905.780) | (1.356.921.835) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 1.662.490.901 | 1.851.767.202 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 34.741.947.130 | 31.964.827.277 |
| - (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | 5.671.868.901 | 1.148.029.936 |
| - (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | 1.352.128.084 | (2.156.172.547) |
| - Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (6.216.394.182) | 190.212.520 |
| - (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | 4.551.878.538 | 2.609.317.686 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.662.490.901) | (1.851.767.202) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (3.077.021.047) | (1.302.446.166) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (2.215.596.336) | (1.682.180.800) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 33.146.320.187 | 28.919.820.704 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | (24.360.718.563) | (26.847.723.363) |
| 2. Tiền chi cho vay | 23 | (41.085.294.092) | (29.225.345.151) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay | 24 | 32.085.294.092 | 27.225.345.151 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.793.435.016 | 1.920.145.056 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (31.567.283.547) | (26.927.578.307) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 9.066.234.420 | 810.917.531 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (13.289.329.324) | (5.034.012.435) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (2.405.106.000) | (2.061.044.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (6.628.200.904) | (6.284.138.904) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (5.049.164.264) | (4.291.896.507) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 6.830.911.531 | 11.122.808.038 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 | 1.781.747.267 | 6.830.911.531 |

Phạm Thị Lan Anh
Người lập biểu
Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Ngô Thị Vinh
Kế toán trưởng

Ngô Trường Giang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

Số: 02 / TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phúc Yên, ngày 23 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

*V/v quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và
kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS năm 2025*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QĐ14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch chi thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2025 như sau:

1. Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2024:

Năm 2024: Thanh toán thù lao cho HĐQT, BKS là 12 tháng

| | |
|-------------------------------|--------------------|
| Mức thù lao: - Chủ tịch HĐQT: | 3 triệu đồng/tháng |
| - Thành viên HĐQT: | 2 triệu đồng/tháng |
| - Trưởng BKS: | 2 triệu đồng/tháng |
| - Thành viên BKS: | 1 triệu đồng/tháng |

Số lượng thành viên HĐQT: 05 người (trong đó 01 Chủ tịch và 04 thành viên)

Số lượng thành viên BKS: 03 người (trong đó 01 Trưởng ban và 02 thành viên)

Tổng mức thù lao đã chi trả cho HĐQT và BKS năm 2024 là: 180 triệu đồng.

2. Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2025

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2025 cũng như so sánh với các công ty cổ phần cùng quy mô, loại hình hoạt động, HĐQT Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch chi thù lao năm 2025 cho thành viên

HDQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách mức giữ nguyên như mức năm 2024, cụ thể như sau:

| | | |
|--------------|--------------------|--------------------|
| Mức thù lao: | - Chủ tịch HDQT: | 3 triệu đồng/tháng |
| | - Thành viên HDQT: | 2 triệu đồng/tháng |
| | - Trưởng BKS: | 2 triệu đồng/tháng |
| | - Thành viên BKS: | 1 triệu đồng/tháng |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HDQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Trường Giang

Số: 04/TTr-HĐQT

Phúc Yên, ngày 21 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024.

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc;
- Căn cứ báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét quyết định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024.

1. Số lượng, tỷ lệ cổ phần và mức lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024:

- Tổng vốn điều lệ năm 2024: 109.630.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 10.963.000 cổ phần

Trong đó:

- + Cổ phần do Nhà nước nắm giữ: 10.569.900 cp (chiếm 96,414%)
- + Cổ phần do các cổ đông ngoài Nhà nước nắm giữ: 393.100 cp (chiếm 3,586%)

- Mức lợi nhuận sau thuế năm 2024: 9.246.059.136 đồng
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế lũy kế trên vốn điều lệ: 8,43%

2. Đề xuất lựa chọn phương án phân phối lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024:

Hội đồng quản trị Công ty đề xuất Đại hội cổ đông phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2024: 9.246.059.136 đồng

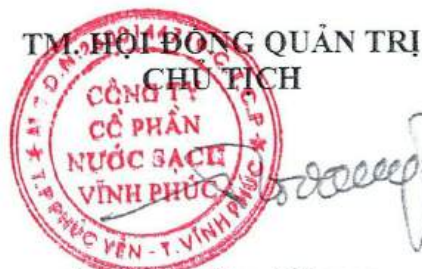
- Trích quỹ đầu tư phát triển (30%): 2.759.284.136 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 2 tháng lương bình quân của người lao động năm 2024: 2.616.000.000 đồng
- Trích quỹ thưởng người quản lý bằng 1,5 tháng lương bình quân bộ phận quản lý công ty năm 2024: 307.800.000 đồng
- Chia cổ tức cho các cổ đông số còn lại: 3.562.975.000 đồng, tương đương mức cổ tức là 3,25 %vốn điều lệ.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 23/03/2025)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: HĐQT.



Ngô Trường Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/ TTr-BKS

Phúc Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH



V/v Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán
BCTC năm 2025 của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2020;
- Căn cứ điều lệ Công ty CP nước sạch Vĩnh Phúc.

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát trình Đại hội tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty và đề xuất về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và kinh nghiệm;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với quy định hiện hành.
- Tổ chức kiểm toán độc lập này được Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo danh sách hàng năm.

2. Đề xuất về việc lựa chọn công ty kiểm toán

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán phù hợp: Công ty TNHH kiểm toán AASC, Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, Công ty TNHH kiểm toán VACO.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Dương Cảnh Hưng